

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **83/2019/DS-ST**
Ngày 25-12-2019
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

Bà Trần Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lua là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1961 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1965 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 1, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25-9-2019, ông Huỳnh Ngọc D trình bày: Ngày 30-5-2017 âm lịch, bà Nguyễn Kim L có mở dây hội loại 1.000.000 đồng, tháng khui 01 kỳ, tổng 24 phần, ông D tham gia 02 phần. Quá trình giao dịch hội, ông D hốt 01 phần và bà L đã giao xong. Phần còn lại ông D hốt vào kỳ thứ 23 với số tiền: 22 kỳ hội chết x 01 phần = 22.000.000 đồng. Sau khi đối trừ 01 phần hội chết đã hốt 1.000.000 đồng và tiền hoa hồng 600.000 đồng, còn lại 20.400.000 đồng. Bà L đã giao cho ông 6.850.000 đồng, còn lại 13.350.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông D thay đổi yêu cầu khởi kiện: Khi hốt hội đối trừ 02 kỳ phải đóng lại cho đến khi mãn là 2.000.000 đồng, trừ 02 phần hội bà L cùng tham gia trong dây hội và tiền hoa hồng 600.000 đồng, còn lại 16.400.000 đồng. Ngày 26-3-2019 âm, bà L có giao 6.850.000 đồng, còn nợ lại 9.550.000 đồng yêu cầu bà

L thanh toán.

Bị đơn là bà Nguyễn Kim L trình bày: Bà L thừa nhận ông D có tham gia 02 phần hui của dây hui mở ngày 30-5-2017 âl, dây hui này mẫn vào ngày 30-3-2019 âl, ông D hốt hui vào kỳ thứ 23, đối trừ phần hui chết và nợ của ông D trong thời gian hai người sống chung, còn lại số tiền 6.850.000 đồng bà đã giao cho ông D (có làm giấy chung hui ngày 26-3-2019). Tại phiên tòa, bà L không đồng ý trả cho ông D số tiền 9.550.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Giao dịch dân sự giữa ông Huỳnh Ngọc D với bà Nguyễn Kim L được xác định tại thời điểm thực hiện là hợp đồng hui theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[2] Tại phiên tòa, các bên đương sự thống nhất xác định số tiền sau khi đối trừ các khoản phải đóng lại, 02 phần hui của bà L cùng tham gia trong dây hui, trừ khoản hoa hồng còn lại tổng số tiền 16.400.000 đồng và bà L đã giao cho ông D số tiền 6.850.000 đồng vào ngày 26-3-2019 âl, nên Hội đồng xét xử không xem xét để xác định lại.

[3] Các bên đương sự chỉ tranh chấp khoản còn lại 9.550.000 đồng, khi giao hui bà L đối trừ các khoản chi phí trong thời gian hai bên chung sống với nhau như vợ chồng. Xét thấy, tại phiên tòa ông D thừa nhận trong khoảng thời gian sống chung với bà L thì thỏa thuận các khoản chi phí, sinh hoạt từ thu nhập riêng của các bên. Đồng thời, ông D cũng thống nhất xác định các khoản tiền bà L đã chi phí cho ông D gồm: Tiền mua thuốc, điều trị bệnh và đi tái khám, tiền mua kệ đựng chén (hiện nay ông D đang sử dụng), tiền mua quà biếu, tổng số tiền 9.550.000 đồng nhưng cho rằng các khoản này là do bà L tự nguyện và của người thân bà L ở Hà Nội cho. Tuy nhiên, tại “giấy chung hui” ngày 26-3-2019 thể hiện việc đối trừ các khoản còn lại bà L phải giao cho ông D số tiền là 16.400.000 đồng như các bên đã thống nhất xác định tại phiên tòa. Đồng thời cũng tại văn bản này thể hiện: “trừ nợ L” 9.550.000 đồng, còn lại 6.850.000 đồng đã giao cho ông D. Như vậy, tại thời điểm nhận 6.850.000 đồng thì ông D biết và đương nhiên phải biết đây là số tiền sau khi đã đối trừ các khoản chi xài của cá nhân ông trong thời gian còn chung sống với bà L nhưng ông D cũng không có bất cứ thỏa thuận nào khác với bà L cho đến khi khởi kiện tại Tòa án.

[4] Ông D thừa nhận có nhận số tiền 6.850.000 đồng nhưng xác định không có thỏa thuận đối trừ nợ và chữ ký tại giấy chung hui ngày 26-3-2019 không phải của ông D. Tại phiên tòa, ông D và bà L không yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông D tại “giấy chung hui” ngày 26-3-2019 nên Tòa án không tiến hành các thủ tục giám định.

[5] Như đã phân tích, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D về việc yêu cầu bà L trả khoản nợ hui còn lại 9.550.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Cụ thể: 9.550.000 đồng x 5% = 477.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự; Áp dụng khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc D về việc yêu cầu bà Nguyễn Kim L trả số tiền nợ hui còn lại 9.550.000 đồng (Chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 477.500 đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Ngày 25-9-2019, ông D đã dự nộp 334.000 đồng theo biên lai thu số 0004605 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đối trừ còn phải tiếp tục nộp 143.500 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Huỳnh Ngọc D và bà Nguyễn Kim L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út